TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CỦ CHI** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 552/2022/DSST

Ngày 29 tháng 9 năm 2022

V/v Tranh chấp về hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỦ CHI, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Sơn Hà

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Thái Văn Sơn

2. Ông Nguyễn Ngọc Cảnh.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Đức, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh: Ông Đào Văn Tiền – Kiểm sát viên

Trong ngày 29/9/2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 571/2020/TLST-DS ngày 16/11/2020 về việc "Tranh chấp về hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 444/2022/QĐXXST-DS ngày 22/8/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 522/2022/QĐST-DS ngày 09/9/2022 giữa:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ (Ngân hàng Đ).

Địa chỉ: Số 130 Đường P, Phường 3, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Liêu Thanh H, sinh năm 1989; địa chỉ: Số 1376 Tỉnh lộ T, Ấp 12, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

Bị đơn: Bà Huỳnh Ngọc M, sinh năm 1977

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Võ Văn T, sinh năm 1973.

Cùng địa chỉ: Tổ 3, Ấp 5, xã H, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh (Cùng vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 02/10/2019, của nguyên đơn Ngân hàng Đ, những tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, bà Liêu Thanh H là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ cấp tín dụng cho bà Huỳnh Ngọc M theo Giấy đề nghị chi vay góp qua tài khoản thẻ đợt vay 0135176901T14007 ngày 30/10/2014 và Giấy đăng ký vay tiền trả góp kiêm khế ước nhận nợ ngày 12/9/2014 như sau: Tổng hạn mức cấp tín dụng: 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng; lãi suất: 9,00%/năm; thời hạn vay: 12 tháng; mục đích vay: Tiêu dùng. Bà M cam kết thanh toán vốn và lãi đúng hạn theo quy định của Ngân hàng Đ.

Thực hiện hợp đồng, từ ngày 30/10/2014 đến ngày 21/10/2015, bà M đã trả được tổng số tiền: Vốn: 16.435.231 (mười sáu triệu bốn trăm ba mươi lăm nghìn hai trăm ba mươi mốt) đồng; lãi trong hạn: 1.730.769 (một triệu bảy trăm ba mươi nghìn bảy trăm sáu mươi chín) đồng; tổng cộng: 18.166.000 (mười tám triệu một trăm sáu mươi sáu nghìn) đồng. Do bà M thực hiện nghĩa vụ trả nợ không đúng thời hạn, liên tục chậm thanh toán dù Ngân hàng Đ đã nhiều lần gọi điện, đến gặp trực tiếp và gửi thư nhắc nợ. Tính đến ngày 02/10/2019, bà M còn nợ các khoản sau: Vốn: 3.564.769 đồng; lãi trong hạn: 69.231 đồng; lãi quá hạn: 2.196.413 đồng; tổng cộng: 5.830.413 (năm triệu tám trăm ba mươi nghìn bốn trăm mười ba) đồng.

Bà M đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ và không hợp tác trong việc giải quyết số nợ nêu trên gây thiệt hại cho Ngân hàng Đ. Do đó, Ngân hàng Đ yêu cầu Tòa án buộc bà M trả ngay tổng số nợ còn thiếu (gồm vốn, lãi trong hạn và lãi quá hạn) tính đến ngày 02/10/2019 là 5.830.413 (năm triệu tám trăm ba mươi nghìn bốn trăm mười ba) đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày 02/10/2019 đến ngày bà M trả hết nợ theo mức lãi suất thỏa thuận tại Giấy đăng ký vay tiền trả góp kiêm khế ước nhận nợ ngày 12/9/2014.

Quá trình giải quyết vụ án, Ngân hàng Đ rút yêu cầu tính lãi, chỉ yêu cầu bà M phải hoàn trả số tiền gốc là: 3.564.769 đồng.

Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt từ khi thụ lý đến phiên tòa sơ thẩm mặc dù được Tòa án triệu tập hợp lệ, không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của phía nguyên đơn.

Tại phiên tòa:

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến như sau:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định, trừ việc Tòa án vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử quy định tại Điều 203

của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên, vi phạm này không nghiêm trọng, không ảnh hưởng đến bản chất, nội dung vụ án nên kiến nghị Tòa án rút kinh nghiệm.

- Về giải quyết vụ án: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, những tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa xác định việc cấp tín dụng giữa Ngân hàng Đ với bà Huỳnh Ngọc M theo Giấy đề nghị chi vay góp qua tài khoản thẻ đợt vay 0135176901T14007 ngày 30/10/2014 và Giấy đăng ký vay tiền trả góp kiêm khế ước nhận nợ ngày 12/9/2014 là có thật, tự nguyện, hợp pháp. Tuy nhiên sau khi vay tiền, bà M không trả nợ cho ngân hàng đúng theo thỏa thuận là vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại Điều 474 của Bộ luật dân sự năm 2005. Do đó, yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Đ về việc yêu cầu Tòa án buộc bà M có trách nhiệm trả nợ gốc là có cơ sở chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện đòi tiền nợ gốc của nguyên đơn và đình chỉ giải quyết phần yêu cầu tính lãi nguyên đơn đã rút.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Căn cứ đơn khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ và những tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật có tranh chấp là "Cấp tín dụng" theo quy định tại khoản 3 Điều 98 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi, bổ sung năm 2017 (sau đây viết tắt là Luật Các tổ chức tín dụng) thuộc trường hợp "Tranh chấp về hợp đồng dân sự" theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn bà Huỳnh Ngọc M cư trú tại Ấp 5, xã H, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Bị đơn bà M, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Võ Văn T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng vắng mặt không lý do, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bà M, ông T.

[4] Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt, không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình. Do đó, căn cứ khoản 4 Điều 91, khoản 1 Điều 96 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chỉ xem xét các tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn đã giao nộp có trong hồ sơ để giải quyết vụ án.

[5] Đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Đ, Hội đồng xét xử xét thấy Giấy đề nghị chi vay góp qua tài khoản thẻ đợt vay 0135176901T14007 ngày 30/10/2014 và Giấy đăng ký vay tiền trả góp kiêm khế ước nhận nợ ngày 12/9/2014 được giao kết giữa Ngân hàng Đ với bà Huỳnh Ngọc M trên cơ sở tự

nguyện. Việc bà M không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ theo đúng thỏa thuận trong hợp đồng, đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Do đó, Ngân hàng Đ yêu cầu bà M trả số tiền nợ gốc 3.564.769 đồng là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; khoản 1 Điều 474 của Bộ luật dân sự năm 2005.

[6] Về lãi: Quá trình giải quyết vụ án Ngân hàng Đ rút yêu cầu tính lãi. Xét thấy việc rút yêu cầu này của Ngân hàng Đ là tự nguyện phù hợp với quy định tại Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu này.

[7] Phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh đúng quy định của pháp luật, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[8] Bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm do toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[9] Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 68, khoản 4 Điều 91, khoản 1 Điều 96, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 244, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 471, Điều 474 của Bộ luật dân sự năm 2005;

Áp dụng khoản 2 Điều 91, Điều 95, khoản 3 Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng;

Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ.

Buộc bà Huỳnh Ngọc M có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ số tiền nợ gốc là: 3.564.769 (ba triệu năm trăm sáu mươi bốn nghìn bảy trăm sáu mươi chín) đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bà M còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất nợ quá hạn các bên thỏa thuận trong Giấy đăng ký vay tiền trả góp kiêm khế ước nhận nợ ngày 12/9/2014.

2. Đình chỉ giải quyết yêu cầu của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ về việc buộc bà Huỳnh Ngọc M phải trả tiền lãi trên số tiền nợ gốc: 3.564.769 (ba triệu năm trăm sáu mươi bốn nghìn bảy trăm sáu mươi chín) đồng.

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Huỳnh Ngọc M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai số AA/2019/0085107 ngày 16/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Củ Chi.

4. Đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Củ Chi;
- Chi cục THADS huyện Củ Chi;
- TAND TP. Hồ Chí Minh;
- Lưu: VP, Hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Bùi Sơn Hà